

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 94/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/12/2024

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Liên và ông Nguyễn Hữu Pháp.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Như Ý - Thư ký TAND huyện T, tỉnh Phú Yên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 309/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1969 (trên giấy chứng nhận kết hôn là Nguyễn Văn H, sinh năm 1968);

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

2. **Bị đơn:** **Dương Thị S**, sinh năm 1971 (trên giấy chứng nhận kết hôn là Dương Thị S, sinh năm 1972);

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

(Cùng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Dương Thị S tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 08/4/1991. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng không hàn gắn được. Hai bên đã sống ly thân đã lâu, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà S.

Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Thị Thùy K, sinh ngày 20/4/1989; Nguyễn Văn L, sinh ngày 30/4/1994; Nguyễn Thị P, sinh ngày 25/12/1995 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 13/6/1999, đều đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn Dương Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, bà S có khai và gửi đơn trình bày thống nhất ly hôn ông H; về con chung và tài sản chung không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp ly hôn; bị đơn có hộ khẩu tại huyện T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T theo quy định các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại giấy đăng ký kết hôn, số 083 ngày 08/4/1991 của UBND xã H, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (*nay là UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên*) thể hiện họ tên chồng Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 và họ tên vợ Dương Thị S, sinh năm 1972. Tuy nhiên tại giấy khai sinh và căn cước công dân đều ghi ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969 và Dương Thị S, sinh năm 1971; được UBND xã H xác nhận là cùng một người. Do đó đủ cơ sở xác định: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969 (*trên giấy chứng nhận kết hôn là Nguyễn Văn H, sinh năm 1968*) và bà Dương Thị S, sinh năm 1971 (*trên giấy chứng nhận kết hôn là Dương Thị S, sinh năm 1972*) là cùng một người.

[1.3] Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Văn H và bị đơn Dương Thị S tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 08/4/1991 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm ai. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt, ông Hiến, bà Sen đều thống nhất ly hôn được nên Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Thị Thùy K, sinh ngày 20/4/1989; Nguyễn Văn L, sinh ngày 30/4/1994; Nguyễn Thị P, sinh ngày 25/12/1995 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 13/6/1999. Các con chung đều đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động các đương sự không yêu cầu nên không xét.

[2.3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn H.

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Văn H được ly hôn với bị đơn Dương Thị S.

2. Về con chung: Các con chung tên Nguyễn Thị Thùy K sinh ngày 20/4/1989; Nguyễn Văn L, sinh ngày 30/4/1994; Nguyễn Thị P, sinh ngày 25/12/1995 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 13/6/1999 đều đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu nên không xét.

3. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001133 ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- CC THADS huyện T;
- VKSND huyện T;
- UBND xã H;
- (GCNKH số 083 ngày 08/4/1991);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mộng Tuyền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Liên Nguyễn Hữu Pháp

Lê Thị Mộng Tuyền

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- CC THADS huyện T;
- VKSND huyện T;
- UBND xã Hòa Mỹ Đông;
- (GCNKH số 083 ngày 08/4/1991);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mộng Tuyền

